ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THỦY	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1323 /QĐ-UBND	*Vĩnh Thủy, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 196/TTr-VHXH ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân trên địa bàn xã Vĩnh Thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Ban Xây dựng Đảng;
- BTT UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Nam Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THỦY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thủy)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng: Mọi công dân cư trú trên địa bàn xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của Ủy ban nhân dân, vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Điều 3. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Quy chế này.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nâng cao vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

6. Các biện pháp khác phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và không trái quy định pháp luật.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Điều 7. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở XÃ VĨNH THỦY

Điều 8. Những nội dung chính quyền địa phương phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương phải công khai các nội dung sau đây:

1. Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của UBND xã;

2. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND xã;

3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

4. Chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của UBND xã;

5. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

6. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

7. Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn xã;

8. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

9. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc UBND xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do UBND xã ban hành;

10. Báo cáo công tác định kỳ; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức;

11. Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật Tiếp cận thông tin; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của UBND xã hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

12. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

13. Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

14. Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Căn cứ vào nội dung thông tin công khai, đối tượng cần tiếp cận thông tin mà cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện lựa chọn hình thức công khai thông tin phù hợp sau đây:

a) Niêm yết thông tin tại trụ sở UBND xã Vĩnh Thủy;

b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã Vĩnh Thủy;

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã Vĩnh Thủy;

d) Thông qua Trưởng các thôn trên địa bàn xã để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân trên địa bàn xã;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri theo quy định pháp luật;

h) Thông báo đến các tổ chức, đoàn thể xã khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

i) Thông qua các trang mạng xã hội chính thống hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế này.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức công khai thông tin.

Mục 2
NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN THAM GIA BÀN, QUYẾT ĐỊNH; THAM GIA Ý KIẾN; THAM GIA KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 10. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn xã, thôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của thôn.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

5. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 11. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi xã; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn.

Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã để giám sát.

2. Trưởng các thôn trên địa bàn xã có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân tại thôn; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở thôn và đến Ủy ban nhân dân xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

4. Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; việc lấy ý kiến của hộ gia đình; việc biểu quyết trực tiếp tại thôn; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng các thôn; việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư thực hiện theo hướng dẫn và quy định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Nhân dân tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của thôn; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn và trên địa bàn xã; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của thôn; tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của thôn để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện tại thôn trên địa bàn xã; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân xã, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Điều 13. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; và phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý. Các chủ

trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã.

3. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, ghép cụm dân cư.

4. Dự thảo các chương trình, kế hoạch, đề án, quyết định… có liên quan đến lợi ích cộng đồng, có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng dân cư.

5. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương thấy cần lấy ý kiến.

Điều 14. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 13 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân xã, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định và thực hiện việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã theo quy định của pháp luật. Đồng thời, giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

Điều 15. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn xã Vĩnh Thủy có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương nói riêng và của tỉnh, của đất nước nói chung.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Điều 16. Những nội dung Nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

2. Công dân trực tiếp thực hiện giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

Điều 17. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo thẩm quyền hoặc trên cơ sở phản ánh, kiến nghị của công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức; thực hiện kiểm tra, xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

b) Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng và ban hành quy định cụ thể

hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ làm cơ sở (có thể mở rộng phạm vi thực hiện dân chủ ở xã nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở) để tạo điều kiện cho công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

c) Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở thôn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

d) Có hình thức xử lý đối với người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát chính đáng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hình thức kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua các hình thức như: Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư; Quan sát thực tế, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định; Tiếp cận các thông tin được công khai, các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương; Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đến chính quyền địa phương hoặc cán bộ, công chức xã, Trưởng thôn, Ban công tác Mặt trận ở thôn, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Chương III
HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ

Điều 19. Hình thức dân chủ trực tiếp

Tùy theo nội dung công việc và trên cơ sở đề xuất của cá nhân, cơ quan, đơn vị tham mưu mà lựa chọn tổ chức để Nhân dân ở thôn bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

1. Tổ chức họp dân để thảo luận, biểu quyết:

a) Chủ trương, mức đóng góp xây dựng công trình công cộng không thuộc ngân sách nhà nước;

b) Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn;

c) Công việc tự quản của cộng đồng dân cư;

d) Quy ước, hương ước của thôn;

đ) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình trong trường hợp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung công việc có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã;

b) Thôn đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu theo quy định.

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn quyết định sau khi đã thống nhất với Ban Công tác Mặt trận thôn.

Điều 20. Hình thức dân chủ đại diện

1. Thông qua đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban công tác Mặt trận thôn;

2. Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội xã;

3. Thông qua Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng;

4. Thông qua các Hội nghị tiếp xúc cử tri, hội nghị đối thoại với chính quyền địa phương.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã;

b) Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã;

c) Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã;

d) Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và tổ chức thành viên

a) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện Quy chế này, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện Quy chế này;

c) Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện Quy chế này để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân;

d) Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của hội viên, đoàn viên.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Trưởng thôn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Các trường hợp thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa rõ hoặc vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn báo cáo về Ủy ban nhân dân xã xem xét điều chỉnh Quy chế cho phù hợp./.